

- Tập kể lại câu chuyện và chuẩn bị bài sau: Ôn tập.

SÁNG

Tiết 1. Tập đọc:

ĂN “MÀM ĐÁ”

I. Mục tiêu

- Bước đầu biết đọc với giọng kể vui, hóm hỉnh; đọc phân biệt được lời kể của nhân vật và người dẫn câu chuyện.

- Hiểu nội dung câu chuyện: Ca ngợi Trạng Quỳnh thông minh vừa biết cách làm cho chúa ăn ngon miệng, vừa khéo giúp chúa thấy được bài học về ăn uống (Trả lời được các CH trong SGK).

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Bảng phụ,
- Trò: Đọc trước bài ở nhà

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra:

- Đọc bài: Vương quốc vắng nụ cười

2. Bài mới:

a. Giới thiệu bài:

b. Nội dung bài:

<ul style="list-style-type: none">- 1 HS đọc bài, lớp đọc thầm bài- Bài chia làm mấy đoạn? (4 đoạn)- HS đọc nối tiếp đoạn, rèn đọc từ khó, câu dài kết hợp giải nghĩa từ.- HS luyện đọc theo cặp- GV đọc mẫu- Vì sao chúa Trịnh muốn ăn mona mầm đá?- Trạng Quỳnh chuẩn bị món ăn cho chúa như thế nào?- Cuối cùng chúa có được ăn món mầm đá không? vì sao?- Vì sao chúa ăn tương cũng thấy ngon?- Em có nhận xét gì về Trạng Quỳnh?- HS đọc nối tiếp đoạn, nêu cách đọc từng đoạn- HS đọc theo cặp, đọc trước lớp	<h4>1. Luyện đọc:</h4> <ul style="list-style-type: none">- Từ khó: độc đáo, đói bụng,...- Câu: Trạng thường lối nói hài hước/ hoặc những cách độc đáo/ để châm biếm thói xấu của vua chúa, quan lại và bênh vực dân lành. <h4>2. Tìm hiểu bài:</h4> <ul style="list-style-type: none">- Vì chúa ăn gì cũng không ngon miệng, thấy mầm đá là món ăn lạ thì muốn ăn.- Cho người đi lấy đá về ninh, chuẩn bị một lọ tương,...- Chúa không được ăn mầm đá vì không có món ăn đó. <ul style="list-style-type: none">- Trạng Quỳnh rất thông minh, hóm hỉnh. <h4>3. Luyện đọc đúng giọng:</h4> <ul style="list-style-type: none">- Đoạn: Thấy chiếc lọ...
--	---

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố: - Nội dung bài nói gì?

b. Dặn dò: - Học bài và xem bài: Ôn tập.

Tiết 2: Khoa học

(Giáo viên chuyên dạy)

Tiết 3. Toán:

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (T2)

I. Mục tiêu

- Nhận được 2 đường thẳng song song, 2 đường thẳng vuông góc.
- Tính được diện tích hình bình hành

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu bài tập.
- Trò: Đọc trước bài ở nhà

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra: - Kiểm tra vở bài tập.

2. Bài mới:

a. Giới thiệu bài:

b. Nội dung bài:

<ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu của bài - HS quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi sgk - Nêu yêu cầu của bài - HS làm vào vở bài tập, đổi vở kiểm tra kết quả - Nhận xét, chữa bài - Nêu yêu cầu của bài - Muốn tính diện tích hình H làm thế nào? - HS lên bảng thực hiện 	<p>* Bài 1 (174). a, DE là đoạn thẳng song song với AB b, CD vuông góc với BC</p> <p>* Bài 2 (174). Chọn số đo chỉ đúng chiều dài hình chữ nhật</p> <div style="text-align: center;"> </div> <p>- Câu C: 16cm</p> <p>* Bài 4 (174). Giải Diện tích hình bình hành là: $3 \times 4 = 12 \text{ (cm}^2\text{)}$ Diện tích hình chữ nhật BEGC là: $4 \times 3 = 12 \text{ (cm}^2\text{)}$ Diện tích hình H là: $12 + 12 = 24 \text{ (cm}^2\text{)}$ Đáp số: 24cm^2</p>
---	---

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố: - Nhận xét tiết học.

b. Dặn dò: - Làm bài tập vở bài tập, xem bài sau.

Tiết 4. Luyện từ và câu:

MỞ RỘNG VỐN TỪ: LẠC QUAN – YÊU ĐÒI

I. Mục tiêu

- Biết thêm một số từ phức chứa tiếng vui và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa (BT1), biết đặt câu với từ ngữ nói về chủ điểm ,lạc quan ,yêu đời(BT2, BT3)

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu bài tập
- Trò: Đọc trước bài ở nhà.

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra: - Nêu ghi nhớ bài học trước.

2. Bài mới:

a. Giới thiệu bài:

b. Nội dung bài:

<ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu bài tập- HS làm vào phiếu bài tập- Trình bày bàiNhận xét, chữa bài <ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu của bài- HS đặt câu vào vở bài tập- HS đọc bài trước lớp <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét, chữa bài <ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu của bài- HS làm bài theo nhóm- Trình bày bài trước lớp- Nhận xét, chữa bài	<p><u>* Bài 1 (155).</u></p> <p>a, Từ chỉ hoạt động: vui chơi, góp vui, múa vui.</p> <p>b, Từ chỉ cảm giác: vui thích, vui mừng, vui sướng, vui lòng, vui thú, vui vui,...</p> <p>c, Từ chỉ tính tình: vui tính, vui nhộn, vui tươi.</p> <p>d, Từ vừa chỉ tính tình vừa chỉ cảm giác: vui vẻ</p> <p><u>* Bài 2 (155).</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Cảm ơn các bạn đã đến góp vui với bọn mình.- Hôm nay, em rất vui sướng vì em được điểm 10 chính tả.- Bạn Nam rất vui tính.- Cuộc sống của gia đình em lúc nào cũng vui vẻ. <p><u>* Bài 3 (155).</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Anh ấy cười ha hả,đầy vẻ khoái chí.- Cu cậu gãi đầu cười hì hì.- Mấy cô bạn không biết thích thú điều gì, cứ cười hi hí trong góc lớp.- Anh chàng cười hơ hơ, nom thật vô duyên.
--	--

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố:

- Nhắc lại nội dung bài vừa làm.

b. Dặn dò:

- Học bài, chuẩn bị bài sau: Thêm trạng ngữ phương tiện cho câu.

CHIỀU

Tiết 1 :Toán⁺

Tiết 2: Kỹ thuật:

(Giáo viên chuyên dạy)

Tiết 3 :Tiếng việt⁺

Tiết 4: Hoạt động ngoài giờ lên lớp:

(Giáo viên chuyên dạy)

SÁNG

Tiết 1. Toán:

ÔN TẬP VỀ TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

I. Mục tiêu

- Ôn tập, củng cố kỹ năng giải toán về tìm số trung bình cộng.

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu bài tập
- Trò: Bảng con

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra: - Kiểm tra bài tập ở nhà.

2. Bài mới:

- a. Giới thiệu bài:
- b. Nội dung bài:

- HS nêu yêu cầu của bài - HS làm bài bảng lớp, bảng con - Nhận xét, chữa bài	* Bài 1 (175). Tìm số trung bình cộng $(137 + 248 + 395) : 3 = 260$ $(348 + 219 + 560 + 725) : 4 = 463$
- HS đọc đề, nêu tóm tắt - HS làm bài bảng lớp, làm vở - Nhận xét, chữa bài	* Bài 2 (175). Giải Số người tăng trong 5 năm là: $158 + 147 + 132 + 103 + 95 = 635$ (người) Trung bình số dân tăng hàng năm là: $635 : 5 = 127$ (người) Đáp số: 127 người
- HS đọc yêu cầu - HS làm bài trên phiếu - Đọc kết quả bài làm	* Bài 3 (175). Giải Tổ hai góp được số vở là: $36 + 2 = 38$ (quyển) Tổ ba góp được số vở là: $38 + 2 = 40$ (quyển) Trung bình mỗi tổ góp được là: $(36 + 38 + 40) : 3 = 38$ (quyển) Đáp số: 38 quyển.

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố:

- Các em vừa được ôn tập nội dung gì?

b. Dặn dò:

- Làm bài vở bài tập Xem bài sau:

Tiết 2. Luyện từ và câu:

THÊM TRẠNG NGỮ CHỈ PHƯƠNG TIỆN CHO CÂU

I. Mục tiêu

- Hiểu được tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ phương tiện (trả lời cho câu hỏi Bằng cái gì? Với cái gì?- ND ghi nhớ)
- Nhận biết được trạng ngữ chỉ phương tiện trong câu, thêm trạng ngữ chỉ phương tiện trong câu(BT1, mục III), bước đầu viết được đoạn văn ngắn tả con vật yêu thích ,trong đó có ít nhất một câu dùng trạng ngữ chỉ phương tiện(BT2)

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu bài tập, bảng phụ
- Trò: Xem trước bài ở nhà

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

- 1. Kiểm tra:** - Chữa bài tập ở nhà
- 2. Bài mới:**
 - Giới thiệu bài:
 - Nội dung bài:

<p>c. Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none">- HS nêu yêu cầu của bài- HS làm bài trên phiếu, trình bày kết quả- Nhận xét, chữa bài- HS đọc yêu cầu bài tập- HS tự làm bài và trình bày bài- Lớp nhận xét, chữa bài	<p>* Bài 1 (160). Tìm trạng ngữ chỉ... - <i>Bằng một giọng thân tình</i>, thầy khuyến chúng em gắng học bài, làm bài đầy đủ. - <i>Với óc quan sát tinh tế</i> và đôi bàn tay khéo léo, người họa sĩ dân gian đã sáng tạo nên những bức tranh lang Hồ nổi tiếng.</p> <p>* Bài 2 (160). Nhà em nuôi rất nhiều gà, nhưng em thích nhất là con gà mái mẹ, đang nuôi một đàn con nhỏ mới nở trông rất xinh. Hằng ngày, gà mẹ thường đưa con đi kiếm mồi. Có lúc trời mưa bằng đôi cánh to rộng, gà mẹ che chở cho đàn con...</p>
---	---

3. Củng cố- dặn dò:

- Củng cố:**
 - Nêu tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ phương tiện?
- Dặn dò:**
 - Dặn HS về nhà học bài

Tiết 3. Địa lí:

(Giáo viên chuyên dạy).

Tiết 4. Tập làm văn:

TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. Mục tiêu